

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Triệu Thu Lương
- Bà Trần Thị Thu Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lý Xuân T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà A, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thiên K, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2024, bản tự khai ngày 06/6/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Thiên K kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 05/02/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi về sinh sống tại khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ

chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến thời điểm tháng 3, tháng 4 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tháng 6/2024 anh **K** đã đi làm ăn xa và ít khi về nhà thăm tôi và các con. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh **Nguyễn Thiên K**, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Nguyễn Thiên K**.

Về con chung: Tôi và anh **Nguyễn Thiên K** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 23/8/1998 và cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, sinh ngày 20/02/2007. Khi ly hôn tôi đề nghị tôi sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Nguyễn Thiên Tiến A** cho đến khi con đủ 18 tuổi, tại đơn khởi kiện và bản tự khai tôi yêu cầu anh **Nguyễn Thiên K** phải cấp dưỡng nuôi nôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/01 tháng. Tại phiên tòa hôm nay, tôi yêu cầu anh **Nguyễn Thiên K** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu **Nguyễn Ngọc H** nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Thiên K** đã có bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc và trong bản tự khai nội dung anh trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lý Xuân T** kết hôn ngày 05/02/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến nay anh và chị **Lý Xuân T** mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Nay anh đã đi làm ăn xa không thường xuyên về thăm nom gia đình. Chị **Lý Xuân T** và anh có làm đơn thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là nơi giải quyết ly hôn và anh nhất trí ly hôn với chị **Lý Xuân T**. Nay vì điều kiện ở xa đi lại khó khăn nên anh không đến tham gia phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Anh và chị **Lý Xuân T** có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 23/8/1998 hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng và cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, sinh ngày 20/02/2007 khi ly hôn anh nhất trí để chị **Lý Xuân T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu **Nguyễn Ngọc H** nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung.

Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu **Nguyễn Thiên Tiến A** trình bày tại bản tự khai: Cháu là con của mẹ **Lý Xuân T** và bố **Nguyễn Thiên K**. Hiện nay cháu ở cùng mẹ tại khu N, thị trấn Đ, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và biên bản xác

minh ngày 29/7/2024 tại khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết anh Nguyễn Thiên K và chị Lý Xuân T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào ngày 05/02/1996. Anh chị có 02 người con chung có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 23/8/1998 hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng và cháu Nguyễn Thiên Tiến A, sinh ngày 20/02/2007 hiện nay đang ở cùng với mẹ tại khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và trưởng khu Nam Quan không nắm được chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, hay bạo lực gia đình hay không vì chưa thấy chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K lên trình báo với địa phương bao giờ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định mối quan hệ tranh chấp; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng; việc thông báo, thành phần, trình tự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát; việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đã được thực hiện đúng theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 51, Điều 68, 195, 196, Điều 198, Điều 208 đến Điều 211, khoản 2 Điều 220, Điều 239, Điều 241, Điều 243, 248, Điều 249 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Khi tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng thực hiện chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Xuân T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thiên K và chị Lý Xuân T có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành, cháu Nguyễn Thiên Tiến A chưa đủ 18 tuổi. Hiện cháu Nguyễn Thiên Tiến A đang sống với bố mẹ, học tập tại trường Trung học phổ thông thị trấn Đ. Khi ly hôn chị Lý Xuân T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Tiến A đến khi đủ 18 tuổi, mỗi tháng yêu cầu anh Nguyễn Thiên K sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị Lý Xuân T là có căn cứ và hợp lý. Đề nghị Hội đồng xử chấp nhận yêu cầu của chị Lý Xuân

T về việc cho chị Lý Xuân T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Tiến A cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Thiên K có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng. Anh Nguyễn Thiên K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Lý Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng; anh Nguyễn Thiên K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Lý Xuân T, cư trú tại địa chỉ: Số nhà A, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị đơn anh Nguyễn Thiên K cư trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K đã có thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là nơi cư trú của chị Lý Xuân T giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nên thẩm quyền giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K là của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 31/5/2024 chị Lý Xuân T gửi đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Thiên K và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thiên K đã có bản tự khai và trình bày ý kiến tại Tòa án và anh Nguyễn Thiên K đã gửi đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thiên K.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K kết hôn năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 05/02/1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại số nhà A, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, nay anh Nguyễn Thiên K đã đi làm ăn xa rất ít khi trở về. Xét thấy, chị Lý Xuân T và anh Nguyễn Thiên K đều xác định hai bên không còn tình cảm với nhau hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Lý Xuân T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiên K là phù hợp với

quy định của pháp luật. Nên cần được chấp nhận cho chị **Lý Xuân T** được ly hôn anh **Nguyễn Thiên K**.

[5] Về con chung: Chị **Lý Xuân T** và anh **Nguyễn Thiên K** có 02 người con chung là **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 23/8/1998 hiện nay cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, sinh ngày 20/02/2007 hiện đang sống cùng với chị **Lý Xuân T**. Khi ly hôn chị **Lý Xuân T** yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, anh **Nguyễn Thiên K** cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị **Lý Xuân T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, sinh ngày 20/02/2007 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Xuân T** yêu cầu anh **Nguyễn Thiên K** phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh **Nguyễn Thiên K** cũng nhất trí, nên cần chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Lý Xuân T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng; anh **Nguyễn Thiên K** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lý Xuân T**, cho chị **Lý Xuân T** được ly hôn anh **Nguyễn Thiên K**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thiên Tiến A**, sinh ngày 20/02/2007 cho chị **Lý Xuân T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh **Nguyễn Thiên K** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Thiên K** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Thiên Tiến A** mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án 14/8/2024.

4. Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Chị **Lý Xuân T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị **Lý Xuân T** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000879, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 06/6/2024. Nay không phải nộp nữa.

5.2. Anh **Nguyễn Thiên K** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND TT Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thu Lương

Nông Thị Hà

Trần Thị Thu Trang